

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 470/QĐ-BLĐTBXH ngày 03/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 92/TTr-SLĐTBXH ngày 16 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 07 thủ tục hành chính mới ban hành và 07 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 07/7/2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh gồm: Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa; Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- PCT UBND tỉnh Đào Thanh Tùng;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI; UBND CẤP HUYỆN; UBND CẤP XÃ TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
	<i>Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</i>					
1	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện (1.010935.000.00.00.H56)	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa) - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 3).	Không	- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14. - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.	- Thời gian giải quyết: giảm từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc so với quy định

2	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện (1.010936.000.00.00.H56)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa) - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 3). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14. - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian giải quyết: giảm từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc so với quy định
3	Thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy trong trường hợp cơ sở cai nghiện có văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện (1.010937.000.00.00.H56)	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa) - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 3). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14. - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy. 	

B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN					
<i>Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</i>						
1	<p>Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng</p> <p>1.010938.000.00.00.H56</p>	<p>08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 3). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14. - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy. 	<p>Thời gian giải quyết: giảm từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc so với quy định</p>
2	<p>Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng</p> <p>1.010939.000.00.00.H56</p>	<p>08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND & UBND cấp huyện; - Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 3). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14. - Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy. 	<p>Thời gian giải quyết: giảm từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc so với quy định</p>

3	<p>Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.</p> <p>1.010940.000.00.00.H56</p>	<p>08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND & UBND cấp huyện;</p> <p>- Địa chỉ trực tuyến: https://dichvucong.thanhhoa.gov.vn (mức độ 3).</p>	Không	<p>- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14.</p> <p>- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.</p>	<p>Thời gian giải quyết: giảm từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc so với quy định</p>
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
<i>Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</i>						
1	<p>Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện</p> <p>1.010941.000.00.00.H56</p>	<p>03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.</p>	Không	<p>- Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14.</p> <p>- Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.</p>	

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ TTHC

Bãi bỏ 03 TTHC tại Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa;

Bãi bỏ 02 TTHC tại Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 08/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện tỉnh Thanh Hóa;

Bãi bỏ 01 TTHC tại Quyết định số 3863/QĐ-UBND ngày 6/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố chuẩn hóa TTHC thuộc lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<i>Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</i>			
A THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	1.000290.000.00.00.H56	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.
2	1.000263.000.00.00.H56	Gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	
3	1.000013.000.00.00.H56	Thay đổi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	
4	2.000044.000.00.00.H56	Nghỉ chịu tang của học viên tại trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội	

B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
5	2.000049.000.00.00.H56	Hoãn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.
6	1.000123.000.00.00.H56	Miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại trung tâm quản lý sau cai nghiện	
C THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			
7	1.003521.000.00.00.H56	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.